|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | BỘ TÀI CHÍNH |  |   **BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA BỘ, NGÀNH**  **ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN**  **(***Bao gồm 14 Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan: Bộ Công thương, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (UBGSTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Xây dựng, Bộ Lao động thương binh và xã hội (Bộ LĐTBXH), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*  *Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Bộ Tư pháp, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc và Phòng Thương mại và Công nghiệp (VCCI), Hiệp hội trái phiếu)*  *Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2020* | | | | |
| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Chi tiết góp ý** | **Ý kiến giải trình** |
| 1 | ***Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)*** | **Bộ Tư pháp**   * Phân biệt rõ phạm vi điều chỉnh chào bán trái phiếu với phạm vi tại Nghị định số 163. Trường hợp quy định tại đây đề nghị quy định đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin, giao dịch trái phiếu. * Khoản 4 Điều 21 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định về tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận giao “Chính phủ quy định chi tiết điều này”. Tuy nhiên, sau khi rà soát cho thấy dự thảo Nghị định không quy định chi tiết Điều 21 nêu trên. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình lý do về việc không điều chỉnh nội dung tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận trong dự thảo Nghị định và việc quy định chi tiết Điều 21 Luật Chứng khoán năm 2019 được thực hiện bởi văn bản pháp luật nào?. * Về việc ngoại trừ không điều chỉnh hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn   + Để đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ được giao tại khoản 6 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình về việc dự thảo Nghị định này không điều chỉnh đối với hoạt động chào bán cổ phiếu ra công chúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định này (Bộ Tư pháp) .  + Xem xét điều kiện thoái vốn tại công ty đại chúng thông qua đấu giá của các công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước do nhiều doanh nghiệp không đáp ứng quy định về điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng (Bộ Xây dựng)   * Khái niệm về doanh nghiệp nhà nước tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã được sửa đổi tại Luật Doanh nghiệp năm 2020. Do vậy, để đảm bảo tính đồng bộ với những thay đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020, đề nghị rà soát lại các quy định có liên quan đến doanh nghiệp nhà nước tại Dự thảo Nghị định (Bộ KH&ĐT). | * **Tiếp thu:** Nội dung dự thảo Nghị định đã được chỉnh sửa theo hướng không quy định về chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ (quy định tại Nghị định thay thế Nghị định 163) * **Giải trình:**   Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 giao Chính phủ quy định chi tiết 29 Điều, Khoản của Luật Chứng khoán. Theo Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính được giao chủ trì soạn thảo 6 nghị định.  Theo đó, quy định về tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề giao cho Chính phủ hướng dẫn (Khoản 4 Điều 21 Luật Chứng khoán năm 2019) sẽ được quy định tại Nghị định thay thế Nghị định số 84/2016/NĐ-CP về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.   * **Giải trình:**   Khoản 6 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019 giao Chính phủ hướng dẫn về hoạt động chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.  Dự thảo tại Nghị định không điều chỉnh nội dung này và họat động chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của DN 1% vốn nhà nước do nội dung này được điều chỉnh tại Nghị định về cổ phần hóa (nay là Nghị định số 126/2015/NĐ-CP) và Nghị định về chuyển nhượng vốn nhà nước (nay là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP   * **Tiếp thu:** đã bỏ giải thích thuật ngữ tại dự thảo Nghị định và sử dụng khái niệm về doanh nghiệp nhà nước theo đúng thuật ngữ được sử dụng tại Luật quản lý và sử dụng vốn, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP. |
| 2 | ***Giải thích thuật ngữ (Điều 3)*** |  |  |
|  |  | **UBGSTC**  Bổ sung giải thích về "tổ chức tài chính quốc tế" và quy định cụ thể về danh sách các tổ chức tài chính quốc tế như tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN để làm rõ đối tượng quy định tại Điều 23 Dự thảo Nghị định | Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã dự thảo tại khoản 1 Điều 26 Nghị định “Tổ chức phát hành phải là tổ chức tài chính quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. |
|  |  | **Bộ Tư pháp**   * Khoản 8 Điều 3 “Đại diện người sở hữu trái phiếu”:   + Đề nghị rà soát khái niệm theo hướng: (i) bám sát vào các quy định về đại diện, ủy quyền tại Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm bảo vệ, tôn trọng quyền và lợi ích của chủ sở hữu, đặc biệt quyền định đoạt bao gồm cả định đoạt trong việc lựa chọn, chỉ định người đại diện cho chủ sở hữu trái phiếu; (ii) cân nhắc kỹ lưỡng việc (1) chỉ giới hạn trong phạm vi là thành viên của Tổng công ty lưu ký chứng khoán và bù trừ chứng khoán Việt Nam và (2) giao tổ chức phát hành chỉ định đại diện người sở hữu trái phiếu để đảm bảo tính khả thi và phù hợp của dự thảo Nghị định.  + Dưới giác độ pháp luật về dân sự, đại diện người sở hữu trái phiếu nên là người do các chủ sở hữu chỉ định (quyền định đoạt của chủ sở hữu), không nên chỉ là người của tổ chức phát hành chỉ định. Nếu quy định là người của tổ chức phát hành thì chỉ nên quy định đại diện người sở hữu trái phiếu do tổ chức phát hành đề cử để người sở hữu trái phiếu thông qua xem xét, quyết định.  + Ngoài ra, đại diện người sở hữu trái phiếu có thể là thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, nhưng cũng có thể là người khác do các chủ sở hữu chỉ định. | * **Tiếp thu** (*tại khoản 9 Điều 3*)   + Việc yêu cầu bắt buộc có đại diện người sở hữu trái phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm nhằm bảo vệ quyền lợi của người sở hữu trái phiếu; thay mặt người sở hữu trái phiếu thực hiện việc giám sát tổ chức phát hành trong việc thực hiện các cam kết đã đặt ra. Tuy nhiên, trong giai đoạn chào bán, chưa xác định được nhà đầu tư mua trái phiếu do đó đại diện người sở hữu trái phiếu sẽ là một trong những điều khoản của trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu khi đồng ý với các điều khoản trái phiếu, do đó không trái với quy định của pháp luật dân sự.  + Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã dự thảo tại Nghị định quyền của người sở hữu trái phiếu được thay đổi Đại diện người sở hữu trái phiếu khi có sự chấp thuận của các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu đại diện cho trên 65% tổng giá trị trái phiếu cùng loại (Khoản 3 Điều 24 Dự thảo) *“Đại diện người sở hữu trái phiếu được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng mã đang lưu hành trở lên chấp thuận”*   * **Tiếp thu:** Bộ Tài chính đã bổ sung đối tượng đại diện người sở hữu trái phiếu là công ty quản lý quỹ (khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 21) do công ty quản lý quỹ là tổ chức có kinh nghiệm, chuyên môn trong việc lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. |
|  |  | **Bộ Tư Pháp**  “*Hợp đồng quản lý đầu tư*”: nghiên cứu, xem xét lại nội dung hợp đồng quản lý đầu tư tại khoản 10 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng bám sát vào bản chất và mục tiêu của “*hợp đồng quản lý đầu tư*”. Trong trường hợp hợp đồng quản lý đầu tư là hợp đồng ủy thác, đề nghị quy định rõ “hợp đồng quản lý đầu tư là việc công ty đầu tư chứng khoán hoặc tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư ủy thác cho công ty quản lý quỹ quản lý và đầu tư tài sản” để làm cơ sở rõ ràng cho việc xác định phạm vi trách nhiệm pháp lý của các bên trong quan hệ ủy thác, hậu quả pháp lý và phân biệt được quan hệ ủy thác và quan hệ ủy quyền (đại diện) theo Bộ luật Dân sự năm 2015. | **Tiếp thu:** không giải thích “Hợp đồng quản lý đầu tư” trong dự thảo Nghị định, bởi lý do:  Hoạt động ủy thác trong chứng khoán đã được đề cập đến tại khoản 35 Điều 4 Luật Chứng khoán thông qua hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Hiện tại, khái niệm “ủy thác”, “Hợp đồng ủy thác” đang được quy định tại dự thảo Thông tư hướng dẫn tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ. Lý do: tại khoản 8 Điều 86 Luật CK 2019 giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về hoạt động của công ty quản lý quỹ ĐTCK và nội dung Nghị định chung không đề cập đến nội dung Hợp đồng ủy thác/Hợp đồng quản lý đầu tư. |
|  |  | **Bộ Tư pháp**   * Khoản 21 Điều 3: *“Tái cơ cấu doanh nghiệp là hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản hoặc bộ phận kinh doanh ….”*   Khoản 21 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định “tái cơ cấu doanh nghiệp là hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản hoặc bộ phận kinh doanh…”. Tuy nhiên, Điều 93 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định về tổ chức lại công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, khoản 3 Điều này giao “Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán”.  Theo quy định tại khoản 31 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định “Tổ chức lại doanh nghiệp là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp”. Như vậy, nội hàm của khái niệm “tổ chức lại” trùng với khái niệm “tái cơ cấu doanh nghiệp” của dự thảo Nghị định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định này để bảo đảm sự thống nhất của dự thảo Nghị định với quy định của Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để chỉnh lý cho phù hợp. | * **Giải trình:** *(thuật ngữ "tái cơ cấu doanh nghiệp tại khoản 10 Điều 3)*   + Nội hàm thuật ngữ “tái cơ cấu” được sử dụng tại dự thảo Nghị định không trùng với nội hàm thuật ngữ “Tổ chức lại doanh nghiệp” *(“Tổ chức lại doanh nghiệp là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp 2014” – khoản 25 Điều 4 Luật doanh nghiệp)* mà được sử dụng chủ yếu theo nội hàm các hình thức tập trung kinh tế quy định tại Luật cạnh tranh: *“Hợp nhất doanh nghiệp”, Sáp nhập doanh nghiệp” “Mua lại doanh nghiệp”* *(khoản 2, 3, 4 Điều 29 Luật Cạnh tranh).*  + Tuy nhiên, do mục tiêu quản lý của Luật cạnh tranh và Luật Chứng khoán là khác nhau, do đó tại dự thảo Nghị định hoạt động “tái cơ cấu” chỉ điều chỉnh khi hoạt động đó làm thay đổi từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên.  + Về mốc cố định 35%:  Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, quyền của ĐHĐCĐ “quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty”. Như vậy, theo Luật doanh nghiệp mốc 35% được coi là mốc thay đổi quan trọng trong tổng giá trị tài sản cần phải có sự quyết định của ĐHĐCĐ.  Do đó, tại dự thảo Nghị định cũng sử dụng mốc 35% tổng giá trị tài sản để tính mốc thay đổi quan trọng cần thiết có sự điều chỉnh. |
|  |  | **Bộ Tư pháp**   * Đề nghị cân nhắc lại quy định khoản 22 Điều 3 dự thảo Nghị định về “mua lại doanh nghiệp” theo hướng không giải thích trong dự thảo Nghị định mà có sự dẫn chiếu cách hiểu theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cho phù hợp. * Đề nghị rà soát và cân nhắc lại nội dung tại khoản 24 Điều 3 dự thảo Nghị định về “tổ chức bảo lãnh phát hành” theo hướng bám sát vào các quy định về biện pháp bảo lãnh (Điều 335 - 343) của Bộ luật Dân sự năm 2015 để quy định cho phù hợp, khả thi, đặc biệt trong việc xác định hậu quả pháp lý, trách nhiệm pháp lý của các bên đồng bảo lãnh phát hành. | * **Tiếp thu:** Bộ Tài Chính đã chỉnh sửa lại khoản 12 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng dẫn chiếu đến quy định tại Luật cạnh tranh. * **Tiếp thu:** Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các nội dung quy định về biện pháp bảo lãnh (Điều 335 - 343) của Bộ luật Dân sự năm 2015 đảm bảo nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định hiện hành. |
|  |  | **Bộ KHĐT**  Về nhà đầu tư nước ngoài, đề nghị điều chỉnh khoản 25 và khoản 29 Điều 3 về giải thích nhà đầu tư nước ngoài, và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nắm giữu trên 50% vốn điều lệ) để thống nhất với giải thích từ ngữ về nhà đầu tư nước ngoài và khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2020. | **Tiếp thu: Bộ Tài chính** sửa đổi tại Điều 3 Dự thảo như sau:  26. *Nhà đầu tư nước ngoài* bao gồm cá nhân, tổ chức theo quy định tại Luật Đầu tư.  *29. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài* là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong một công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán*.* |
|  |  | **Bộ KHĐT**  Về Ngân hàng giám sát: đây là từ ngữ đã được giải thích đầy đủ tại Điều 116 Luật Chứng khoán 2019 do đó, đề nghị bỏ nội dung này. | **Tiếp thu ý kiến,** dự thảo Nghị định không giải thích cụm từ “ngân hàng giám sát” tại dự thảo Nghị định do đã quy định tại Luật Chứng khoán 2019 |
|  |  | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị cân nhắc lại nội dung tại khoản 30 Điều 3 dự thảo Nghị định về “*cơ chế đối tác bù trừ trung tâm”* cho phù hợp với các quy định tại Điều 52 và khoản 1 Điều 53 Luật Chứng khoán năm 2019.  Cụ thể: Luật Chứng khoán năm 2019 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa có quy định nào xác định rõ Tổng công ty này có công ty con hay không[[1]](#footnote-1)? Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ cũng chưa ban hành Quyết định thành lập, giải thể, mô hình hoạt động, hình thức sở hữu, chức năng, quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, do vậy, chưa có cơ sở cho việc xác định mô hình hoạt động của Tổng công ty này.  Trong trường hợp bảo lưu, đề nghị giải trình rõ lý do, căn cứ thực tiễn, căn cứ pháp lý theo quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan trong Tờ trình Chính phủ.  Khoản 6 Điều 135 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định điều khoản chuyển tiếp, theo đó, có đề cập đến Trung tâm lưu ký chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.  Khoản 7 Điều 135 Luật Chứng khoán năm 2019 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (bao gồm cả nội dung về Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán). Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại quy định Điều 135 Luật Chứng khoán năm 2019 để quy định chi tiết. Việc xác định mô hình công ty của Tổng công ty này cần bám sát vào các quy định tại chương V và khoản 7 Điều 135 Luật Chứng khoán năm 2019 để quy định cho phù hợp. | **Giải trình**   1. Bộ Tài chính xây dựng Quyết định thành lập Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Dự thảo Quyết định có quy định về việc cho phép VSD về thành lập công ty con. 2. Luật Chứng khoán (khoản 2 Điều 52), Luật Doanh nghiệp 2014 (Khoản 1 Điều 88, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 188), Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (điểm a khoản 1 Điều 30) cho phép VSD được thành lập công ty con. 3. Ngoài ra, theo kinh nghiệm quốc tế, đa số các nước (trong khu vực gồm Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan...) có các công ty độc lập thực hiện việc đăng ký, lưu ký tách biệt với bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để hạn chế rủi ro do tổ chức bù trừ trung tâm chịu trách nhiệm đảm bảo hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho các giao dịch chứng khoán.   Do đó, dự thảo Nghị định quy định về Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con trong thực hiện hoạt động bù trừ thanh toán chứng khoán nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn nhà nước tại VSD, phù hợp với thông lệ quốc tế, giảm thiểu rủi ro cho hoạt động thanh toán trên TTCK; tạo cơ sở pháp lý để Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Đây cũng là 01 trong các khuyến nghị của IOSCO cũng như yêu cầu nâng hạng lên thị trường mới nổi của một số tổ chức xếp hạng thế giới. |
|  |  | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị cân nhắc lại quy định tại khoản 34 Điều 3 dự thảo Nghị định về “*thế vị*” theo hướng bám sát vào các quy định về chuyển giao quyền và nghĩa vụ (Điều 365 - 371) của Bộ luật Dân sự năm 2015  Để đảm bảo phù hợp và thống nhất, hạn chế tình trạng sử dụng nhiều tên gọi khác nhau để giải thích cùng một vấn đề giống nhau. Hiện nay, cụm từ “ thế vị” chỉ được dùng trong quan hệ thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 | **Tiếp thu:** Bộ Tài chính đãhoàn chỉnh tại khoản 37 Điều 3như sau:  *“Thế vị là việc thay thế một bên trong hợp đồng hoặc giao dịch****chứng khoán****bằng một bên khác, trong đó bên thay thế sẽ kế thừa tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến hợp đồng hoặc giao dịch* ***chứng khoán*** *của bên bị thay thế”* |
|  |  | **UBGSTC**  Về “*sản phẩm tài chính*”: Đề nghị nghiên cứu và làm rõ hơn phạm vi nội hàm của quy định tại khoản 40 Điều 3 dự thảo Nghị định | **Giải trình:**  Thuật ngữ "Sản phẩm tài chính" (quy định tại khoản 45 Điều 3) được hướng dẫn theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Chứng khoán. Theo thông lệ quốc tế và tùy thuộc mức độ phát triển của thị trường chứng khoán, sản phẩm tài chính rất đa dạng phong phú. Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, CTCK hiện đang được phát hành và chào bán sản phẩm chứng quyền có bảo đảm. Định hướng trong thời gian tới, CTCK vẫn được chào bán chứng quyền có đảm bảo và trong dài hạn tùy tình hình thị trường, Bộ Tài chính có thể hướng dẫn thêm về các sản phẩm khác (sản phẩm cấu trúc, hợp đồng đầu tư…). |
|  |  | **NHNN**  Về “*công cụ nợ”:* Đề nghị rà soát lại quy định khoản 42 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng nếu pháp luật về nợ công đã có quy định thì dự thảo Nghị định không quy định nhắc lại, tránh có sự trùng lặp trong hệ thống pháp luật | **Giải trình:** Giữ nguyên định nghĩa tại khoản 47 Điều 3 bởi lý do:  Việc liệt kê các sản phẩm công cụ nợ nhằm điều chỉnh điều kiện các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, Kho bạc nhà nước tham gia vào thị trường công cụ nợ. Do đó, phù hợp với các sản phẩm đang được giao dịch trên hệ thống của SGDCK, không trái với Luật Quản lý nợ công. |
| 3 | ***Chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông trong công ty đại chúng (Điều 10, 11)*** | **Bộ KH&ĐT**  Khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định bổ sung thêm nội dung “…Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty của tổ chức phát hành thông qua trong trường hợp cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức”, trong khi tham chiếu với điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán, chỉ có hình thức “Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần bao gồm: có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua…”.  **Bộ Xây dựng**  Đề nghị xem xét điều chỉnh quy định về điều kiện 02 năm có lãi và không có lỗ lũy kế đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu (theo hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng) của cổ đông nhà nước | * **Giải trình:**   Điểm c khoản 2 Điều 15 Luật chứng khoán 2019 là quy định đối với đông ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng.  Điều 13 dự thảo Nghị định quy định việc cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu thuộc sở hữu của mình thông qua hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng.  Quy định cổ đông phải có quyết định thông qua phương án phát hành nhằm đảm bảo đúng quy định về giao dịch dân sự. Đối với cổ đông là tổ chức, cấp có thẩm quyền thông qua việc chuyển nhượng là ĐHĐCĐ/HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu.   * **Giải trình:**   + Đối với việc chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác được thực hiện theo pháp luật về chuyển nhượng vốn nhà nước (không quy định tại Nghị định này).  + Hiện tại quy định về việc chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông công ty đại chúng là 01 năm có lãi, không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán). |
| 4 | ***Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng (Điều 16)*** | **Bộ Tư Pháp**   * Cơ quan chủ trì soạn thảo cần bổ sung nội dung quy định chi tiết về tiêu chí “thời điểm áp dụng” theo quy định tại điểm g, khoản 3 Điều 15 của Luật Chứng khoán năm 2019 cho đầy đủ và toàn diện.   **Bộ Xây dựng**   * Hiện tại thị trường định mức tín nhiệm VN chưa phát triển, nhiều rủi ro. Do đó, để thực hiện tốt điều kiện này phải thúc đẩy phát triển thị trường định mức tín nhiệm tại Việt Nam. | * **Tiếp thu:** qua quá trình hội thảo và tiếp thu ý kiến của thành viên thi trường, Bộ Tài chính sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:  1. *Có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm về tổ chức phát hành của tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau:* 2. *Tổng giá trị trái phiếu huy động trong mỗi 12 tháng lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và lớn hơn 500 tỷ đồng;* 3. *Tổng dư nợ trái phiếu tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.*   Về thời điểm áp dụng, tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã bổ sung vào điều khoản chuyển tiếp thời gian áp dụng quy định này sau 02 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực. |
| 5 | ***Điều kiện chào bán trái phiếu có đảm bảo ra công chúng (Điều 20)*** | **Bộ Tư pháp**   * **Về các phương thức bảo đảm:** Tại điểm b, khoản 2 Điều 20 dự thảo Nghị định quy định về phương thức bảo đảm bằng tài sản, tuy nhiên, theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì có 09 biện pháp bảo đảm[[2]](#footnote-2). Do đó, để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, tránh quy định chung chung hoặc có cách hiểu phát sinh thêm các biện pháp bảo đảm mới, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại quy định này theo hướng “bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Bộ luật Dân sự và pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự” cho phù hợp, thống nhất và khả thi. * **Đối với quy định về bảo đảm bằng nguồn thu (điểm c, khoản 2 Điều 20**: Do đây là tài sản bảo đảm nên rất cần bảo đảm tính chắc chắn, khả thi của việc đưa ra quy định “nguồn thu của tổ chức phát hành” này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 105[[3]](#footnote-3), 108[[4]](#footnote-4), 295[[5]](#footnote-5)) để làm rõ phạm vi nội hàm của cụm từ “bằng nguồn thu của tổ chức phát hành”. Trong trường hợp có sự đặc thù trong hoạt động chứng khoán, đề nghị cân nhắc bổ sung giải thích thuật ngữ về “bằng nguồn thu của tổ chức phát hành” để có cách hiểu và áp dụng pháp luật cho thống nhất. | * **Giải trình:**   Theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, có 09 biện pháp bảo đảm bao gồm: (1) Cầm cố tài sản. (2) Thế chấp tài sản. (3) Đặt cọc. (4) . Ký cược. (5). Ký quỹ. (6). Bảo lưu quyền sở hữu. (7). Bảo lãnh. (8). Tín chấp. (9). Cầm giữ tài sản.  Tại dự thảo Nghị định quy định việc bảo đảm bằng tài sản, tương ứng với biện pháp bao đảm (1) Cầm cố tài sản. (2) Thế chấp tài sản quy định tại Điều 292 Bộ Luật Dân sự.  Đối với các biện pháp (3) Đặt cọc. (4) . Ký cược. (5). Ký quỹ. (6). Bảo lưu quyền sở hữu. (8). Tín chấp. (9). Cầm giữ tài sản, về mặt bản chất không phù hợp với việc bảo đảm thanh toán cho trái phiếu.   * **Tiếp thu:**   Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã bổ sung dự thảo Nghị định về trách nhiệm của tổ chức phát hành trong việc xác định rõ nguồn thu và các biện pháp quản lý nguồn thu tại điểm c khoản 2 Điều 23 *“Bảo đảm bằng nguồn thu của tổ chức phát hành. Tổ chức phát hành có trách nhiệm xác định rõ nguồn thu và các biện pháp quản lý nguồn thu để đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu”* |
| 6 | ***Đại diện người sở hữu trái phiếu (Điều 21)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị rà soát, chỉnh lý lại quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 21 dự thảo Nghị định theo hướng “xử lý tài sản bảo đảm theo theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký kết và các quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự” cho phù hợp và khả thi.  Bên cạnh đó, trong quan hệ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thường chỉ xuất hiện 02 dạng chủ thể là bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm (hoặc bên có quyền và bên có nghĩa vụ). Theo quy định khoản 2 Điều 314 và khoản 7 Điều 323 , Điều 300 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chỉ có bên nhận bảo đảm mới có quyền xử lý tài sản bảo đảm. Do vậy, việc dự thảo Nghị định cho phép bên đại diện người sở hữu trái phiếu được thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm cần được cân nhắc kỹ, bám sát các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nói chung và quy định về đại diện (Điều 134 - Điều 143), quy định về hợp đồng ủy quyền (Điều 562 - 569) của Bộ luật Dân sự năm 2015 nói riêng để quy định cho phù hợp. Trường hợp bảo lưu, cần giải trình rõ lý do trong Tờ trình Chính phủ. | **Tiếp thu:** Bộ Tài chính đã chỉnh sửa lại nội dung này tại điểm d khoản 2 Điều 24 Dự thảo Nghị định. *"Trường hợp trái phiếu được bảo đảm thanh toán bằng phương thức bảo đảm bằng tài sản, Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm, thay mặt người sở hữu trái phiếu thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo đúng điều khoản hợp đồng đã ký kết và các quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;"* |
| 7 | ***Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng (Điều 22)*** | **Bộ Tư pháp**   * Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc lại quy định khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định về hợp đồng bảo đảm giữa tổ chức phát hành với bên bảo đảm (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba) để đảm bảo tính phù hợp và thống nhất với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 309 và 317 ), Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ quy định việc “…dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ” mà không có khái niệm về “bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba”.   Đồng thời, việc xác định dùng tài sản của bên thứ ba hoặc bên thứ ba dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho người khác, bên cạnh việc căn cứ khoản 1 Điều 295 thì cần căn cứ Điều 309 và Điều 317 Bộ luật Dân sự để hiểu một cách biện chứng và chính xác, tránh có sự nhầm lẫn sang biện pháp bảo lãnh quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015. | * **Tiếp thu:** Bộ Tài chính đã chỉnh sửa lại nội dung này tại Dự thảo Nghị định thành *“hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành*" (khoản 3 Điều 25) |
| 8 | ***Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng bằng đồng Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế (Điều 23)*** | **UBGSTCQG**   * Khoản 1: đề nghị sửa thành "…tài chính quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên". * Khoản 4: làm rõ cơ sở quy định ngưỡng giới hạn 30% tổng vốn đầu tư của dự án.   **Bộ Tư pháp:**   * Khoản 4: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung các quy định về tiêu chí, điều kiện để làm cơ sở cho Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.   **- UBGSTCQG**  Khoản 5, khoản 6, khoản 7: làm rõ thẩm quyền, phân cấp của tổ chức tài chính quốc tế là tổ chức phát hành cam kết thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư. | * **Tiếp thu:** Bộ Tài chính đã chỉnh sửa Điều 26 dự thảo Nghị định; * **Giải trình:** Đối với quy định tại khoản 4 Điều 26, Bộ Tài chính giải trình như sau:   + Quy định này kế thừa Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và trong quá trình thực thi không có vướng mắc về quy định này.  + Việc quy định tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư của dự án nhằm đảm bảo vốn đối ứng đối với các dự án ODA; đảm bảo việc tận dụng các nguồn lực quốc tế cho việc đầu tư các dự án ở Việt Nam.   * **Giải trình:**   Tổ chức tài chính quốc tế đăng ký phát hành trái phiếu phải thực hiện việc cam kết. Việc phân cấp quyết định thực hiện các công việc theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phát hành. |
| 9 | ***Chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam của doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (Điều 33, 34, 35)*** | **UBGSTCQG**  Làm rõ sự cần thiết của việc cho phép doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài được huy động vốn trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cạnh tranh về huy động vốn đối với các doanh nghiệp trong nước | * **Giải trình: (Điều 36, Điều 37, Điều 38)**   + Quy định này kế thừa Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và trong quá trình thực thi không có vướng mắc về quy định này.  + Đây là cam kết quốc tế (WTO) về việc cho phép các doanh nghiệp nước ngoài huy động vốn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. |
| 10 | ***Chào bán cổ phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Điều 36)*** | **NHNN:**   * Đề nghị bỏ áp dụng các điều kiện a,c,e,g,h khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán đối với trường hợp các tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng do các điều kiện này là không cần thiết và tạo thêm gánh nặng chi phí đối với việc cơ cấu lại các tổ chức tín dụng này. * Đề nghị bổ sung quy định về chào bán trái phiếu ra công chúng của các tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt để phù hợp với ủy quyền Luật chứng khoán giao Chính phủ hướng dẫn về chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt.   **UBGSTCQG:**  Bổ sung yêu cầu công bố thông tin về tỷ lệ nợ xấu tại báo cáo tài chính 02 năm gần nhất và tỷ lệ an toàn vốn CAR của tổ chức tín dụng | * **Giải trình:**   + Việc chào bán chứng khoán ra công chúng phải đáp ứng các điều kiện về chào bán chứng khoán ra công chúng.  + Đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, kết quả hoạt động kinh doanh của các tổ chức này bị lỗ. Do đó, dự thảo Nghị định quy định ngoại trừ điều kiện này.   * **Tiếp thu: Dự thảo Nghị định** đã được bổ sung quy định về chào bán trái phiếu ra công chúng của các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. * **Giải trình:**   Đối với các TCTD được kiểm soát đặc biệt, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật ngân hàng. |
| 11 | ***Chào bán trái phiếu tại nước ngoài (Điều 69)*** | **NHNN**  Bổ sung điều khoản nguyên tắc chào bán trái phiếu ra nước ngoài thực hiện quy định của nước sở tại | **Giải trình:**  Việc chào bán trái phiếu ra nước ngoài được quy định tại Nghị định 163/2018/NĐ-CP. Theo đó, việc chào bán trái phiếu ra nước ngoài phải đáp ứng quy định tại thị trường phát hành.  Dự thảo Nghị định bỏ các nội dung quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp để phù hợp với nội dung phạm vi điều chỉnh của Nghị định. |
| 12 | ***Về việc đăng ký chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài (Điều 70 và 116)*** | **NHNN**  Đề nghị sửa khoản 3 Điều 70 thành "không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung tiền phạt cao nhất đối với các hành vi vi phạm về ngoại hối trong vòng 1 năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu tại nước ngoài" | **Giải trình:**  Quy định chào bán chứng khoán ra nước ngoài tại dự thảo Nghị định nhằm mục đích đợt phát hành đáp ứng các quy định về quản lý ngoại hối, cụ thể về hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài quốc gia đối với phát hành trái phiếu và phải có tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng.  Dự thảo Nghị định không quy định việc tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối ngoài đợt chào bán. Tuy nhiên, trách nhiệm của doanh nghiệp phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối theo quy định về quản lý ngoại hối. |
| 13 | ***Điều kiện chào bán cổ phiếu tại nước ngoài của công ty đại chúng (Điều 70)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị giải trình rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, sự cần thiết của quy định điều kiện của thủ tục tại khoản 5 Điều 70 dự thảo Nghị định “Được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, Ủy ban Chứng khoán đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán”. Điều kiện này làm phát sinh thủ tục hành chính, tuy nhiên, tại dự thảo chưa quy định rõ về thủ tục chấp thuận này. Do vậy, nếu dự thảo quy định điều kiện được sự chấp thuận thì cần quy định rõ hơn hồ sơ, trình tự, thời hạn thực hiện thủ tục để đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu và áp dụng thống nhất trên thực tiễn. | Dự thảo Nghị định theo hướng như sau:  “Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm về việc tăng vốn điều lệ” (điểm d khoản 2 Điều 71).  Hiện nay, đối với các doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện như tổ chức tín dụng, bảo hiểm trước khi tăng vốn phải có ý kiến chấp thuận của NHNN, Bộ Tài chình. Hồ sơ, trình tự thủ tục việc chấp thuận thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. |
| 14 | ***Về chào mua công khai (Điều 77)*** | **Bộ KHĐT, VCCI**  Tại khoản 3 có nêu “*Việc chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được thông qua khi có số cổ đông, nhà đầu tư đại diện tối thiểu 65% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành còn lại tán thành*”. Nội dung này có liên quan tới quy định tại Điều 148 của Luật Doanh nghiệp 2020 về điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua, do đó, đề nghị Bộ Tài chính rà soát, bổ sung quy định thống nhất với Luật Doanh nghiệp | Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, nội dung này có liên quan đến quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:  “*Điều 148.*  *1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65%* ***tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành****...*  *2. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên* ***50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành****....*”  Tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, VCCI và dựa trên cơ sở các quy định đã nêu, khoản này được sửa đổi khoản 3 Điều 84 lại như sau:  “*3.* *Trường hợp không phải chào mua công khai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán thì cổ đông, nhà đầu tư là đối tượng chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và người có liên quan của các cổ đông, nhà đầu tư này không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ. Việc chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được* *Đại hội đồng cổ đông, Đại hội nhà đầu tư thông qua trong các trường hợp sau*:  *a) Khi có số cổ đông, nhà đầu tư đại diện tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông, nhà đầu tư còn lại dự họp tán thành.*  *b) Khi được số cổ đông, nhà đầu tư sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản”.* |
| 15 | ***Điều kiện niêm yết*** |  |  |
|  |  | **UBSGTC**  Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 100 như sau: "Công ty, ***thành viên Ban tổng giám đốc, thành viên hội đồng quản trị công ty, thành viên ban kiểm soát*** không bị xử lý vi phạm…." | **Tiếp thu một phần,** đã sửa khoản 6 Điều 108 lại thành: "Công ty, *người đại diện theo pháp luật* không bị xử lý vi phạm trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán". |
|  |  | **VCCI**  Đề nghị cân nhắc lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 100 Dự thảo về điều kiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán là “đã giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom tối thiểu 02 năm”. Trên thực tế, một số doanh nghiệp lớn khi có nhu cầu niêm yết hoặc huy động vốn qua giao dịch chứng khoán, mong muốn niêm yết cổ phiếu ngay trên Sở giao dịch chứng khoán vì thị trường Upcom hiện chưa thực sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài. | **Giải trình**  Quy định tại khoản 2 Điều 108 dự thảo Nghị định là phù hợp với điểm d khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán: “*Công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật này phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Sau 02 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, công ty đại chúng có quyền nộp hồ sơ đăng ký niêm yết khi đáp ứng các điều kiện niêm yết chứng khoán”*. |
|  |  | **NHNN:** Niêm yết chứng khoán tại Sở GDCK nước ngoài.Đề nghị sửa điểm đ khoản 1 Điều 120 thành "cam kết của tổ chức phát hành về việc tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam" do NHNN không có xác nhận đối với vấn đề này. | **Tiếp thu** và chỉnh sửa tại dự thảo như kiến nghị của NHNN tại điểm đ khoản 1 Điều 127 dự thảo Nghị định |
| 16 | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (Điều 130, Điều 131)** |  |  |
|  |  | **VCCI, UBGSTC, Bộ Tư pháp, NHNN**  - Đề nghị Ban soạn thảo bỏ quy định tại khoản 5 Điều 130 Dự thảo, bởi lý do: Theo quy định tại Luật Chứng khoán thì nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia đầu tư, hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam phải tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (khoản 1 Điều 51); Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm giám sát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (khoản 2 Điều 55), Dự thảo cũng quy định nghĩa vụ của các tổ chức phát hành là tuân thủ về giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài khi chào bán chứng khoán. Việc yêu cầu tổ chức phát hành và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm kiểm soát việc tuân thủ về giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là hợp lý và khả thi, còn đại diện giao dịch, tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài – với vai trò là đại diện bên mua rất khó để biết và kiểm soát được giới hạn sở hữu này.  - Quy định đối với doanh nghiệp hoạt động đa ngành theo hướng xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành chính của công ty. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là ngành nghề chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất trong 03 năm gần nhất.  - Đề nghị giải trình rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 49% tại điểm b, khoản 1 Điều 131 dự thảo Nghị định để có đầy đủ cơ sở thông tin cho việc xem xét, thông qua mức tỷ lệ sở hữu này.   * Đề nghị làm rõ cách xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại doanh nghiệp F2. | * **Giải trình,** giữ nguyên quy định tại Điều 138 dự thảo Nghị định về hoạt động giao dịch chứng khoán của NĐTNN, bởi lý do:   + Đại diện giao dịch là người thay mặt NĐTNN thực hiện giao dịch tại Việt Nam, có nghĩa vụ tuân thủ quy định về tỷ lệ SHNN.  + Các tổ chức KDCK trong phạm vi trách nhiệm có nghĩa vụ thông báo cho VSD khi tổ chức kinh tế trên 50% vốn nước ngoài , phối hợp giám sát các vi phạm của NĐT (trong đó có vấn đề về tỷ lệ SHNN) trong quá trình thực hiện các dịch vụ cho khách hàng.  + Các nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia đầu tư tại VN có thể trực tiếp (bao gồm hoạt động ủy quyền cho đại diện giao dịch, công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký) hoặc gián tiếp (thông qua hoạt động ủy thác cho công ty quản lý quỹ). Quy định như tại dự thảo sẽ làm rõ trách nhiệm của các bên khi tham gia hoạt động ủy quyền, ủy thác.   * **Giải trình:** Điều 139Dự thảo bảo lưu quy định xác định tỷ lệ SHNN trên tất cả các ngành nghề công ty ĐKKD, bởi lý do:   Việc xác định tỷ lệ SHNN đối với ngành, nghề chính của công ty có một số vướng mắc sau: (i) chưa phù hợp với pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành và cam kết quốc tế; (ii) Gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý khi doanh thu hàng năm tính theo ngành có thể thay đổ. Theo kinh nghiệm quốc tế như Nhật Bản, tỷ lệ SHNN của DN cũng xác định trên ngành nghề có tỷ lệ SHNN thấp nhất.   * **Giải trình**   Hiện nay đa số các công ty đại chúng chưa xác định tỷ lệ SHNN và tỷ lệ được khóa tại VSD là 49% vốn điều lệ (theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg).  Quy định này trên cơ sở tiếp tục kế thừa quy định từ Nghị định 60/2015/NĐ-CP, tránh xáo trộn trong hoạt động doanh nghiệp, do nhiều ngành nghề hiện nay chưa xác định rõ ràng về hạn chế SHNN.  **- Giải trình**  Tại Khoản 31 Điều 3 phần giải thích thuật ngữ đã nêu rõ: *Tỷ lệ sở hữu* *nước ngoài là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài (F) và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trở lên (F1) trong một công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán*”.   * Tỷ lệ SHNN tại F2 = Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN (F) và tổ chức trên 50% vốn nước ngoài (F1) |
| 17 |  | **Bộ KHĐT**   * Điều 131 Dự thảo Nghị định quy định “Về tỷ lệ SHNN trên thị trường chứng khoán Việt Nam”   + Tại điểm b khoản 1 Điều 131: “*Đối với công ty đại chúng hoạt động… hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với* NĐTNN *…*”  Theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 không quy định ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với NĐTNN mà chỉ có danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Phụ lục 4 của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. Do đó, đề nghị sửa đổi lại để phù hợp với Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.  + Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, căn cứ vào Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Chính phủ công bố Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐTNN, bao gồm: (i) Ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường; và (ii) Ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện. Khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư số quy định một số điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐTNN, trong đó bao gồm tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế. **Ngoài Danh mục này, NĐTNN được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như nhà đầu tư trong nước** (khoản 1 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  Do đó, quy định tỷ lệ SHNN tại công ty đại chúng tối đa là 49% đối với ngành nghề chưa có quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 131 dự thảo Nghị định về SHNN là không còn phù hợp vì **Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐTNN đã được quy định tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.**  **NHNN**  Tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định: “*Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác*”. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định này đã bỏ quy định về trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo có giải trình về nội dung này. | **- Tiếp thu:** Dự thảo sửa đổi lại phù hợp với Luật Đầu tư, cụ thể tại điểm b khoản 1 Điều 139 quy định như sau:  Đối với công ty đại chúng hoạt động trong *ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài* mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 49%;  **- Giải trình:**  Việc không quy định nội dung về Điều lệ công ty được quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các trường hợp lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không chịu điều chỉnh về sở hữu nước ngoài theo pháp luật chuyên ngành và theo các điều ước mà Việt Nam tham gia là nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, Bộ Tài chính có ý kiến bảo lưu quy định *(không quy định để Điều lệ công ty quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài khác quy định tại pháp luật chuyên ngành và khác quy định theo điều ước quốc tế)* với các lý do sau:  ***(1) Về mặt pháp lý***   * Đảm bảo tính phù hợp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật trong quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (có hiệu từ 01/01/2021) có quy định về việc áp dụng Luật đầu tư và các luật có liên quan. Theo đó:   + Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư (khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  + Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ trường hợp: thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán (khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  + Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về đầu tư khác với quy định của Luật Đầu tư thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó (khoản 4 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).  Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 không có quy định cụ thể về điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và được ban hành trước Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. Do đó, các quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.   * Đảm đảm bảo tuân thủ quy định việc tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài: việc cho phép Điều lệ công ty quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu ư nước ngoài là hình thức hạn chế tiếp thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Việc quy định như tại Dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo quy định về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14), theo đó "nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước” trừ các trường hợp hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được Chính phủ công bố. * Quy định không trái với các quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.   ***(2) Về mặt kinh tế***  Việc cho phép doanh nghiệp được quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài có ưu điểm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hạn chế tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm kiếm được đối tác chiến lược và có thể chào bán cổ phần với giá cao hơn giá thị trường.  Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng, ngoài ưu điểm trên đối với một số doanh nghiệp, việc cho phép Điều lệ Công ty được phép quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã phát sinh nhiều điểm bất cập như:   * Việc cho phép Đại hội đồng cổ đông được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tạo ra sự không đồng nhất, gây khó khăn cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc tiếp cận thông tin, lập kế hoạch đầu tư; * Ảnh hưởng tiêu cực đến việc thị trường Việt Nam được nâng hạng và khả năng huy động vốn của thị trường chứng khoán Việt Nam.   Ngoài ra, như đã phân tích về mặt luật pháp nêu trên, quy định tại Dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo sự phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư. Tuy nhiên, về mặt kinh tế, để đảm bảo lợi ích hài hòa của các doanh nghiệp, tránh gây xáo trộn thị trường, Bộ Tài chính kiến nghị quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực phải đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. |
| 18 |  | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**  Điều 134 về nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán: tại Điều 23 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 quy định tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Do vậy, đề nghị các nội dung quy định tại Điều 134 dự thảo Nghị định sửa đổi tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ để đồng bộ với hệ thống pháp luật đầu tư. | **Tiếp thu:** nội dung dự thảo tại Điều 143 đã thống nhất sử dụng thuật ngữ tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. |
| 19 | ***Hồ sơ đăng ký trở thành thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (Điều 146)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý quy định về hồ sơ theo hướng không quy định hồ sơ “*bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp*”.  Vì để làm thủ tục đăng ký trở thành thành viên lưu ký thì doanh nghiệp đã thực hiện *thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu lý chứng khoán* theo Điều 57, Điều 58 Luật Chứng khoán năm 2019. Trong quy trình thủ tục này doanh nghiệp đã nộp hồ sơ Giấy phép thành lập và đăng ký hoạt động. Cơ quan có thẩm quyền quyền giải quyết của 02 thủ tục đều thuộc Ủy ban Chứng khoán. Do đó, đối với thủ tục đăng ký trở thành thành viên lưu ký sau khi đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán thì không cần thiết yêu cầu hồ sơ *Giấy chứng nhận đăng ký và hoạt động* để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính. | **Tiếp thu**: khoản 2 Điều 154 dự thảo Nghị định đã bỏ thành phần hồ sơ là *bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp.* |
| 20 | ***Hoạt động lưu ký chứng khoán*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhắc về quy định về hồ sơ tại khoản 4 Điều 146 dự thảo Nghị định.  Vì các quy trình nghiệp vụ hoạt động lưu ký chứng khoán và thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán là điều kiện của thủ tục hành chính đã được quy định tại khoản 2 Điều 145 dự thảo Nghị định. Vì vậy, thành phần hồ sơ đăng ký quy định nhắc lại là không phù hợp và chưa đảm bảo cụ thể. Do đó, đề nghị bỏ thành phần hồ sơ này, chỉ quy định đây là điều kiện, cơ quan giải quyết thủ tục có thể thực hiện đánh giá hậu kiểm về quy trình nghiệp vụ trong quá trình thử nghiệm các giao dịch, thực hiện kết nối trước khi cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký theo khoản 1 Điều 147 dự thảo Nghị định. | **Giải trình**  Lưu ký chứng khoán có vai trò quan trọng trong hoạt động giao dịch chứng khoán. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải có nhân sự, quy trình nghiệp vụ, cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện quy định; đảm bảo có thể thực hiện được nghiệp vụ lưu ký ngay sau khi VSD chấp thuận tư cách thành viên. |
| 21 | ***Ngân hàng thanh toán (Mục 3 Chương IV)*** | **NHNN**  - Đề nghị sửa tên Mục 3 thành "Hồ sơ, thủ tục đăng ký làm ngân hàng thanh toán đối với ngân hàng thương mại", bởi lý do: Khoản 4 Điều 69 Luật chứng khoán giao Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký làm ngân hàng thanh toán và các quy định tại Mục này chỉ áp dụng đối với ngân hàng thương mại  - Tại khoản 5 Điều 156 đề nghị bỏ nội dung "Cam kết về việc thiết lập hệ thống, cơ chế quản lý tài khoản và tiền gửi ký quỹ", bởi lý do: Nội dung này không phù hợp với quy định về điều kiện làm ngân hàng thanh toán theo khoản 2 Điều 69 Luật chứng khoán và VSD là bên nhận ký quỹ, do vậy việc ngân hàng thanh toán quản lý tài khoản và tiền ký quỹ là không phù hợp.  - Điều 158: Đề nghị bỏ quy định "Việc lựa chọn ngân hàng thanh toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện định kỳ 5 năm/lần". Thay vào đó, việc thay thế ngân hàng thanh toán chỉ đặt ra khi ngân hàng thanh toán không đáp ứng các điều kiện làm ngân hàng thanh toán theo quy định tại Điều 69 Luật chứng khoán. | **- Tiếp thu,** đã sửa lại tên mục 3 như kiến nghị của NHNN  **- Giải trình:**  *Theo điểm đ Khoản 2 Điều 69 Luật Chứng khoán 2019, một trong các điều kiện ngân hàng thương mại làm ngân hàng thanh toán là:“Có hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện thanh toán giao dịch và kết nối với hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”. Việc thiết lập hệ thống, cơ chế quản lý tài khoản và tiền gửi ký quỹ là một phần trong việc đáp ứng hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo thực hiện hoạt động thanh toán giao dịch. Bên cạnh đó, tiền gửi ký quỹ được VSD lưu giữ quản lý trên tài khoản tại ngân hàng thanh toán, do đó để đảm bảo an toàn cho hoạt động thanh toán, ngân hàng thanh toán cần phối hợp với VSD để thiết lập hệ thống, cơ chế thông báo, quản lý tài khoản và tiền gửi ký quỹ. Như vậy, nội dung tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết hơn, đảm bảo các đối tượng thuận lợi trong quá trình thực hiện và phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán.*  **- Tiếp thu ý kiến:** đã bỏ quy định này tại dự thảo |
| 22 | ***Nguyên tắc Đăng ký biện pháp đảm bảo đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSD (Điều 159)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị bổ sung quy định về áp dụng pháp luật liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm vào dự thảo Nghị định theo hướng *“Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Nghị định này và pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm thì áp dụng quy định của Nghị định này. Trường hợp Nghị định này không có quy định mà pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm có quy định thì áp dụng quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm”*.  Nghị định số 102/2017/NĐ-CP là văn bản pháp luật của Chính phủ điều chỉnh thống nhất việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tất cả các loại hình tài sản bảo đảm, trong đó có chứng khoán. Một số vấn đề về đăng ký biện pháp bảo đảm đã quy định trong Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, dự thảo Nghị định không nên quy định nhắc lại như: từ chối đăng ký, các trường hợp đăng ký thay đổi, xóa đăng ký, đăng ký trong trường hợp bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm…). Do đó, cần có quy định về mối quan hệ giữa dự thảo Nghị định với Nghị định số 102/2017/NĐ-CP để cơ quan đăng ký cũng như người yêu cầu đăng ký có cơ sở áp dụng khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. | **Tiếp thu,** đã bổ sung nguyên tắc này tại khoản 4 Điều 165 Nghị định. |
| 23 | ***Đối tượng, phạm vi và nguyên tắc thực hiện (Điều 159)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị chỉnh lý khoản 1 Điều 159 dự thảo theo hướng, sử dụng cụm từ “dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ” để thay thế cụm từ “sử dụng làm tài sản thế chấp”.  Về nội dung này, Bộ Tư pháp nhận thấy, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Chứng khoán năm 2019 không có quy định giới hạn về hình thức biện pháp bảo đảm có tài sản bảo đảm là chứng khoán. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 194 và khoản 1 Điều 196 Bộ luật Dân sự năm 2015, chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản và quyền này chỉ bị hạn chế trong trường hợp do luật định. | **Tiếp thu,** Khoản 1 Điều 165 sửa lại như sau: *“Các chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong các giao dịch bảo đảm được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với các chứng khoán khác thực hiện tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư Pháp theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm”.* |
| 24 |  | **Bộ Tư pháp**  Để đảm bảo nguyên tắc không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác theo khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tư pháp đề nghị không quy định khoản 3 dự thảo Nghị định và chỉnh lý khoản 2 theo hướng “2. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam *phải thực hiện theo nguyên tắc chung của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm* và các nguyên tắc sau: …”.  Khoản 2 và khoản 3 Điều 159 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Về nội dung này, Bộ Tư pháp nhận thấy, khoản 2 quy định các nguyên tắc mang tính đặc thù, chuyên biệt của đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cần được quy định trong Nghị định. Tuy nhiên, nguyên tắc tại khoản 3 đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. | **Tiếp thu,** khoản 2 Điều 165 không quy định lại các nguyên tắc đã có trong Nghị định 102; chỉ quy định các nguyên tắc đặc thù trong lĩnh vực chứng khoán, cụ thể:  *“2. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc chung của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các nguyên tắc sau đây:...”* |
| 25 | ***Đăng ký biện pháp đảm bảo (Điều 161, Điều 162)*** | **NHNN**  - Đề nghị nghiên cứu lại nội dung xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp đấu giá. Cụ thể:  + Điều 162 dự thảo Nghị định quy định "Việc xử lý tài sản bảo đảm là chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan khác".  + Khoản 2 Điều 303 Luật dân sự 2015 quy định việc xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện theo thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận đảm, trường hợp không thỏa thuận được thì tài sản được đấu giá theo quy định của pháp luật.  Do đó, đề nghị quy định trường hợp đấu giá tài sản đảm bảo là cổ phiếu thì giá cổ phiếu là giá tham chiếu trung bình của các phiên giao dịch liền kề.  **VCCI**   * Về cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm:   Đề nghị mở rộng đối tượng được tiếp cận thông tin trên để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán.  - Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện, các doanh nghiệp đề nghị Ban soạn thảo quy định cụ thể công ty chứng khoán được phép xử lý tài sản bảo đảm như bán chứng khoán, chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo thỏa thuận cầm cố/thế chấp của bên bảo đảm và bên nhận tài sản bảo đảm tại thời điểm yêu cầu phong tỏa chứng khoán mà không cần có thêm lệnh bán hoặc sự đồng ý của bên bảo đảm, không bắt buộc phải giải tỏa trước khi thực hiện thủ tục xử lý tài sản bảo đảm và tiền thu được từ việc xử lý tái sản bảo đảm chỉ được giải tỏa theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm. | * **Giải trình**   Việc đấu giá tài sản thực hiện theo quy định về đấu giá, theo đó sẽ có giá khởi điểm do tổ chức định giá xác định. Việc quy định giá cổ phiếu đấu giá là giá tham chiếu trung bình của các phiên giao dịch liền kề không thuộc phạm vi của Nghị định.  Nội dung của Nghị định điều chỉnh hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán tại VSD. Do đó, Điều 168 dự thảo Nghị định quy định "*Việc xử lý tài sản bảo đảm là chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan khác"* là phù hợp.   * **Tiếp thu:** Khoản 1 Điều 167 chỉnh sửa lại như sau:  *Cá nhân, tổ chức có quyền tìm hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.* * **Giải trình:** Khoản 4, 5 Điều 166 Nghị định đã quy định về việc xóa đăng ký giao dịch bảo đảm theo yêu cầu của một bên là bên nhận bảo đảm. Các chứng khoản phải được giải tỏa mới có thể bán, chuyển quyền sở hữu. Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể việc chuyển quyền sở hữu trong trường hợp này (Điều 168). |
| 26 | ***Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán (Điều 166)*** | **VCCI**  Đề nghị bỏ các tài liệu quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 166 bao gồm: (1) Lý lịch tư pháp của cổ đông, thành viên góp vốn và (2) Phương án kinh doanh. Bởi lý do sau:  + Đối với tài liệu (1): điểm d khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán chỉ yêu cầu cầu điều kiện “không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ” đối với tổng giám đốc, chứ không phải là tất cả các cổ đông, thành viên góp vốn. Vì vậy yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp cấp cho cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn dự kiến trên 5% vốn điều lệ là chưa phù hợp;  + Đối với tài liệu (2) là không thể hiện điều kiện nào quy định tại Điều 74 Luật Chứng khoán. | **Giải trình:**  Đề nghị bảo lưu theo dự thảo vì các lý do sau:  (1) Lý lịch tư pháp  Tài liệu để chứng minh cá nhân góp vốn đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp. Dự thảo Nghị định đã không yêu cầu toàn bộ các cá nhân tham gia góp vốn phải có tài liệu này để chứng minh mà chỉ cá nhân góp vốn từ 5% trở lên vốn điều lệ của CTCK, CTQLQ (đã cắt giảm hồ sơ cho các cá nhân góp vốn còn lại).  Ngoài ra, việc yêu cầu Lý lịch tư pháp đối với cổ đông góp vốn nhằm sàng lọc, phòng chống tội phạm rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán.  Ngoài ra, theo quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (LLTP) năm 2009, phiếu LLTP là phiếu do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP cấp có giá trị chứng minh cá nhân có hay không có án tích; bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp. Đây là tài liệu để chứng minh cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân đáp ứng điều kiện “không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp Việt Nam” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật CK 2019.  (2) Phương án kinh doanh  Tài liệu để chứng minh việc thành lập doanh nghiệp đáp ứng khoản 2 Điều 71 Luật Chứng khoán. Ngoài ra, phương án là tài liệu cần thiết để các cổ đông, thành viên góp vốn xây dựng được mô hình quản lý doanh nghiệp và mô hình hoạt động |
| ***27*** | ***Người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (Điều 172)*** | **VCCI**  Khoản 1 Điều 172 Dự thảo quy định công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có không quá 02 người đại diện theo pháp luật tại một thời điểm. Quy định này là chưa phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Bộ luật dân sự năm 2015 về việc một pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật. | **Giải trình**: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo bởi các lý do sau:   * CTCK và CTQLQ là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện, đại diện theo pháp luật phải là người chịu trách nhiệm chính đối với hoạt động của doanh nghiệp. Việc quy định chỉ Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật nhằm đảm bảo việc quản lý thống nhất và nhất quán trong doanh nghiệp. * Kinh doanh chứng khoán là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và chỉ bao gồm các hoạt động nghiệp vụ giới hạn được quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Chứng khoán, theo đó Công ty chứng khoán có tối đa 04 nghiệp vụ và công ty quản lý quỹ có 03 nghiệp vụ. Vì vậy, không cần thiết có quá nhiều người đại diện theo pháp luật, sẽ gây khó khăn trong phân định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của mỗi người đại diện theo pháp luật. |
| 28 | ***Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (Điều 179)*** | **NHNN, UBSGTC, Bộ KHĐT**  - Xem xét bổ sung điều kiện :tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng nhà nước  - Nghị định số 135/2015/NĐ-CP và Thông tư số 105/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính có quy định các nội dụng về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Do vậy, đề nghị bỏ các quy định trùng lặp tại 02 văn bản nêu trên để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật.  - Bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp liên quan đến việc nộp hồ sơ trước ngày Nghị định hướng dẫn LCK có hiệu lực.  - Đề nghị bổ sung quy định về thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán - Đề nghị bổ sung Dự thảo NĐ quy định về hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm; hoạt động ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.  - Đề nghị bổ sung tại Chương VI quy định về trách nhiệm của các bên liên quan trong việc khai báo, thẩm định người sở hữu hưởng lợi cuối cùng và nguồn gốc nguồn vốn trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp phép công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.  - Đề nghị bổ sung quy định về nghĩa vụ khai báo thông tin của nguồn gốc tài sản của nhà đầu tư nước ngoài khi đăng ký cấp mã giao dịch chứng khoán tại Mục 6 Chương III  - Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó, quy định đối tượng bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính rà soát, bổ sung điều kiện chấp thuận đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ cần thực hiện theo các quy định của Nghị định số 135/2015/NĐ-CP | **Tiếp thu:** bỏ các quy định có liên quan về đầu tư gián tiếp tại dự thảo |
| 29 | ***Địa điểm của văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (Điều 183)*** | **VCCI**  Đề nghị bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 183 Dự thảo“địa điểm đặt văn phòng đại diện không nằm trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố nơi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh”. Bời lý do:  Khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định “doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính”. Quy định trên tại Dự thảo là chưa phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020. Mặt khác, văn phòng đại diện có các chức năng đã được quy định tại Dự thảo, việc đặt văn phòng đại diện tại đâu, với số lượng bao nhiêu nên để doanh nghiệp tự quyết định dựa trên yêu cầu thực tế hoạt động của mình. | **Giải trình:** bảo lưu như dự thảo quy định bởi các lý do sau:  CTCK là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện; phạm vi hoạt động của VPDD là hạn chế nhưng phạm vi hoạt động của trụ sở chính và chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có thể thực hiện hoạt động của VPDD. Ngoài ra, quy định hạn chế nhằm kiểm soát hoạt động biến tướng của VPĐD, gồm hoạt động môi giới hoặc tư vấn cho nhà đầu tư. |
| 30 | ***Cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán (Điều 189)*** | **NHNN**  Để đảm bảo không vi phạm quy định cấm của Luật các tổ chức tín dụng cần quy định cụ thể các hoạt động "cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán" tại dự thảo Nghị định (Ví dụ các hoạt động quy định tại NĐ 86/2016/NĐ-CP) | **Giải trình:** bảo lưu như dự thảo bởi các lý do sau:  Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết hoạt động cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định tại khoản 8 Điều 86 Luật Chứng khoán. Hình thức cho vay vẫn sẽ như hiện nay (cho vay đối với giao dịch ký quỹ, ứng trước tền bán chứng khoán) và đảm bảo không trái quy định của Luật các tổ chức tín dụng |
| 31 | ***Đăng ký dịch vụ phối hợp với các tổ chức tín dụng cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán (Điều 191)*** | **NHNN**  Đề nghị làm rõ hình thức phối hợp với các TCTD để đảm bảo phù hợp với quy định Luật các TCTD | **Giải trình**: Đề nghị bảo lưu như dự thảo bởi các lý do sau:  Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết hoạt động cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định tại khoản 8 Điều 86 Luật Chứng khoán. Việc phối hợp vẫn sẽ như hiện nay và đảm bảo không trái quy định của Luật các tổ chức tín dụng |
| 32 | ***Chào bán sản phẩm tài chính (Điều 193)*** | **VCCI**  Đề nghị điều chỉnh lại quy định cho phép hội đồng quản trị được quyền quyết định chào bán sản phẩm tài chính.  Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, đại hội đồng cổ đông chỉ quyết định những giao dịch bán tài sản có giá trị rất lớn, sản phẩm tài chính đa dạng và phong phú, trong nhiều trường | **Giải trình:** Đề nghị bảo lưu như dự thảo bởi các lý do sau:  Việc cho phép công ty chứng khoán chào bán sản phẩm tài chính đồng nghĩa với việc công ty chứng khoán gánh chịu rủi ro mà những rủi ro này khi xảy ra phải bù đắp, xử lý bằng nguồn lực tài chính, danh tiếng của công ty chứng khoán.  Sản phẩm tài chính là các sản phẩm mới theo thông lệ quốc tế. Do vậy, trong thời gian mới phát triển sản phẩm, việc quy định như dự thảo nhằm bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư và tạo thông lệ cho sản phẩm. |
| 33 | ***Về đăng ký lại doanh nghiệp của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (Điều 197)*** | **Bộ KHĐT**  Đề nghị làm rõ trường hợp có thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Chứng khoán (ví dụ: thay đổi ngành, nghề kinh doanh, thành viên, cổ đông công ty…) thì công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có phải thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh hay không và có cần chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hay không. | **Tiếp thu:** tại khoản 5 Điều 206 *“Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi giấy phép và thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có liên quan của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán tại Việt Nam”* |
| 34 | ***Quy định thu hồi giấy phép của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (Điều 200, 201)*** | **Bộ KHĐT**  Đề nghị quy định rõ trình tự, thủ tục phối hợp, trao đổi thông tin giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán | **Tiếp thu:**  Sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 206 dự thảo Nghị định |
| 35 | ***Về quản lý, giám sát người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (Điều 203, Điều 206)*** | **Bộ Tư pháp, VCCI**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc quy định thêm điều kiện “*phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng”* tại khoản 3 Điều 203 dự thảo Nghị định đối với cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật Chứng khoán năm 2019, điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán không có yêu cầu điều kiện về 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng (BTP và VCCI)  - Đề nghị bỏ quy định hồ sơ tại điểm b, khoản 4 Điều 203 dự thảo Nghị định vì bản thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ theo mẫu số 58 Phụ lục là không cần thiết và không tương ứng, phù hợp với điều kiện của thủ tục được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 203. Hơn nữa, Giấy đề nghị Phụ lục số 76 và Phiếu lý lịch tư pháp, các bằng cấp đã có thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ là cơ sở cho việc cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định hồ sơ bản xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ tại điểm h, khoản 4 Điều 203 dự thảo. Quy định này làm phát sinh thủ tục xin xác nhận số năm làm việc, công tác, gây phiền hà, tốn kém chi phí, thời gian thực hiện thủ tục. Trường hợp nếu cá nhân đã làm việc tại 03 vị trí, 03 công ty tài chính, ngân hàng khác nhau trong 03 năm liên tục sẽ phải thực hiện 03 lần xin xác nhận là không cần thiết và không đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính hiện nay.  - Quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 206 dự thảo Nghị định: “*d. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ có giá trị sử dụng khi người được cấp chứng chỉ làm việc tại một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và được công ty đó thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*” mẫu thuân với quy định tại Luật chứng khoán và nội dung khác tại dựng thảo Nghị định, cụ thể:  + Khoản 3 Điều 97 Luật chứng khoán quy định về thu hồi chứng chỉ hành nghề "khi không hành nghề trong 03 năm liên tục".  + Điều 209 dự thảo Nghị định quy định người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thể làm việc tại đại lý phân phối là ngân hàng thương mại hoặc tổ chức kinh tế khác | - Giải trình: về quy định điều kiện “*phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng”*  *+ Thứ nhất,* về cơ sở pháp lý, khoản 5 Điều 97 Luật CK 2019 giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.  *+ Thứ hai,* về cơ sở thực tiễn, nhân sự thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán của công ty quản lý quỹ phải có trình độ chuyên môn nhất định trước yêu cầu gia tăng tối đa lợi nhuận, đồng thời phải thận trọng, kiểm soát tốt rủi ro. Theo đó, trình độ chuyên môn của cá nhân hành nghề quản lý quỹ cần được cấu thành từ: trình độ chuyên môn được tích lũy qua quá trình đào tạo (chứng minh bằng các chứng chỉ chuyên môn) và kinh nghiệm tích lũy qua quá trình làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Các yếu tố này đảm bảo người có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu công việc của người hành nghề quản lý quỹ.  *+ Thứ ba,* về yêu cầu quản lý nhà nước: việc sàng lọc những người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng để ra quyết định đầu tư đối với tài sản của khách hàng không chỉ giảm thiểu rủi ro cho tài sản của khách hàng đơn lẻ mà còn để đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả, trong sạch, bền vững, đặc biệt tránh rủi ro cho toàn hệ thống. Hiện nay, UBCKNN đã cấp khoảng 4.000 chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ cho các cá nhân, trong khi hiện thị trường cần khoảng 300 người có chứng chỉ hành nghề để làm việc tại các công ty quản lý quỹ. Như vậy, dư địa cho công ty quản lý quỹ để tuyển việc làm mới có chứng chỉ hành nghề trên thị trường lao động là rất lớn. Đồng thời, qua quá trình quản lý và thụ lý hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ từ năm 2008 đến nay, UBCKNN cũng chưa từng tiếp nhận ý kiến phản ánh về khó khăn trong việc đáp ứng điều kiện tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.  *+ Thứ tư,* về thông lệ quốc tế: các quốc gia có kinh nghiệm trong quản lý và phát triển thị trường chứng khoán đều yêu cầu về kinh nghiệm làm việc để chứng minh trình độ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý quỹ. Ví dụ, tại Mỹ yêu cầu 3 năm kinh nghiệm cho vị trí quản lý tài sản, Hong Kong yêu cầu 3 năm kinh nghiệm cho người làm việc tại công ty quản lý quỹ, Malaysia yêu cầu 3 năm kinh nghiệm và Thái Lan là 2 năm kinh nghiệm.   * **Giải trình:** Đề nghị bảo lưu nội dung này. Lý do: (i) Mẫu giấy đề nghị là mẫu đơn có bao gồm các nội dung thông tin về loại chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp và phương thức nhận, trả chứng chỉ hành nghề chứng khoán; (ii) Mẫu bản thông tin cá nhân là mẫu tờ khai có bao gồm các thông tin về trình độ học vấn (quá trình đào tạo), kinh nghiệm chuyên môn (quá trình công tác theo các năm) là các điều kiện đã được quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 97 Luật CK 2019. Trên cơ sở nội dung thông tin khai báo, cơ quan quản lý nhà nước mới có thể đối chiếu các tài liệu chứng minh kèm theo hồ sơ. * **Giải trình:** bảo lưu nội dung tại dự thảo Nghị định. Lý do: tại điểm h, khoản 4 Điều 203 dự thảo quy định là *“văn bản xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán do các tổ chức nơi người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã từng làm việc hoặc đang làm việc cung cấp”.* Văn bản xác nhận có thể bao gồm công văn xác nhận, hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm xã hội… hoặc tài liệu tương đương có thể hiện nội dung xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ. Đây là các tài liệu người lao động đều lưu giữ. Trường hợp bị mất, được phép chứng minh bằng công văn xác nhận của tổ chức sử dụng lao động. * **Tiếp thu ý kiến,** đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 209 dự thảo Nghị định theo hướng “Có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán; hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;...” |
| 36 | ***Về điều kiện thành lập quỹ thành viên (Điều 212 dự thảo***) | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhắc không quy định nội dung này vì đã được quy định tại Điều 113 Luật Chứng khoán năm 2019. Mặt khác, tại dự thảo Nghị định quy định bổ sung khoản 2 Điều 212 làm phát sinh thêm điều kiện của thủ tục và không đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với quy định tại Điều 113 Luật Chứng khoán năm 2019.  Tương tự, về điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ đóng Điều 223 dự thảo Nghị định đã được quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019, do đó, cơ quan chủ trì xem xét không quy định lại và không làm phát sinh điều kiện so với quy định tại Luật. | **Giải trình:** đề nghị giữ nguyên như tại dự thảo Nghị định. Lý do:  *Thứ nhất,* về cơ sở pháp lý: khoản 3 Điều 100 Luật CK 2019 giao *“Chính phủ quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục về chào bán, thành lập, tổ chức lại, giải thể các quỹ đầu tư chứng khoán quy định tại Điều 99 và Điều 114 của Luật này.”* Vì vậy, việc bổ sung quy định về điều kiện về thành lập quỹ thành viên và điều kiện đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng là phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán.  *Thứ hai,* về cơ sở thực tiễn: công ty quản lý quỹ thực hiện quản lý tài sản quỹ, tài sản của các nhà đầu tư, vì vậy, phải đảm bảo yêu cầu về con người có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, có tình hình tài chính lành mạnh và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật để quản lý và bảo vệ quyền, lợi ích và tài sản của các nhà đầu tư, đặc biệt các nhà đầu tư nhỏ lẻ. |
| 37 | **Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn thị trường** |  |  |
|  |  | ***Bộ Tư pháp:*** - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý quy định tại khoản 6 Điều 264, điểm b, c khoản 2 Điều 259 dự thảo theo hướng không quy định chung chung, định tính, đảm bảo tính định lượng (các từ ngữ mang tính định tính như: *có thể bị cấm, có biến động đáng kể, có sự kiện ảnh hưởng tiêu cực… hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến...)* để tạo sự thuận lợi, thống nhất trong áp dụng pháp luật trong thực tiễn, đặc biệt đây là các tiêu chí để áp dụng (kích hoạt) các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thị trường chứng khoán. | **Giải trình:**  Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn TTCK là vấn đề mới, trong đó nội dung về áp dụng các biện pháp trong giám sát an ninh, an toàn chưa có thực tiễn, kinh nghiệm tại Việt Nam.  Các biện pháp có mức độ ảnh hưởng tới toàn thị trường, tới số lượng lớn tổ chức, cá nhân tham gia TTCK, do vậy đòi hỏi hết sức cẩn trọng trong đưa ra tiêu chí đánh giá, áp dụng các biện pháp.  Bên cạnh đó, các yếu tố, sự kiện có ảnh hưởng đến thị trường ở các góc độ khác nhau, mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác mà tùy tình huống, điều kiện cụ thể của thị trường tại thời điểm có sự kiện, sự cố sẽ cần có biện pháp khác nhau để hạn chế tác động tiêu cực, khoanh vùng ảnh hưởng.  Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước không đưa vào quy định luật chứng khoán tiêu chí cụ thể để xác định các biến động này mà chỉ quy định chung chung. Ví dụ: Điều 28 (1) Luật chứng khoán Malaysia quy định: Để thực thi thẩm quyền của mình trong việc đảm bảo duy trì an toàn của thị trường, UBCK có thể thực hiện cấm giao dịch đối với các chứng khoán hoặc nhóm chứng khoán cụ thể trên TTCK và SGDCK; chấm dứt hoặc ngừng giao dịch trên SGDCK; thay đổi giờ giao dịch; điều chỉnh thay đổi hoặc yêu cầu ngừng áp dụng các quy chế của Sở giao dịch… Theo Điều 186 Luật Chứng khoán Thái Lan, để ngăn ngừa thiệt hại có thể xảy ra đối với công chúng hoặc cho nền kinh tế của đất nước, UBCK có thẩm quyền: (1) Đình chỉ tạm thời việc giao dịch của tất cả các chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch trong khoảng thời gian xác định, hợp lý; (2) Chỉ đạo HĐQT hoặc Tổng giám đốc điều hành Sở giao dịch thực hiện hoặc không thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào mà UBCK xét thấy cần thiết.  Như vậy có thể thấy, các nước chỉ quy định chung về sự kiện ảnh hưởng đến thị trường, đồng thời quy định thẩm quyền của UBCK áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn, ổn định của thị trường, điều này tạo sự linh hoạt cho UBCK trong từng tình huống để có biện pháp xử lý phù hợp.  Do vậy, phù hợp với thông lệ và kinh nghiệm quốc tế, tại Khoản 3 Điều 259 dự thảo Nghị định đang quy định giao UBCKNN báo cáo Bộ Tài chính về tiêu chí nhận diện nguy cơ, rủi ro hệ thống phù hợp với tình hình thị trường.  Đối với biện pháp cấm vĩnh viễn quy định tại Khoản 6 Điều 264 dự thảo áp dụng tổ chức cá nhân thực hiện hành vi bị cấm nhiều lần, tái phạm đã bị xử phạt hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là biện pháp mới, rất nặng, có hậu quả pháp lý lớn nên cần rất thận trọng trong áp dụng. Do vậy, dự thảo quy định có thể bị áp dụng biện pháp này, tương tự như cách quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 "ngoài hình thức xử phạt chính, đối tượng vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp xử phạt bổ sung" để đảm bảo xử lý phù hợp. Mặt khác, các trường hợp xử phạt hành vi bị cấm, trường hợp áp dụng biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn đều được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của UBCKNN nên đảm bảo tính minh bạch trong áp dụng, xử lý. |
|  |  | ***UBGSTCQG:*** Đề nghị bổ sung cơ chế phối hợp giữa Bộ BTC với Ngân hàng nhà nước, Bộ Công an, UBGSTC… | **Tiếp thu**, bổ sung khoản 6 tại Điều 265 như sau:  “6*. Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức triển khai kế hoạch, giải pháp, biện pháp để ứng phó, khắc phục, xử lý tác động từ khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế hoặc biến động lớn của nền kinh tế ở phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới có ảnh hưởng đến tính ổn định, an toàn và toàn vẹn của thị trường chứng khoán*.”  - Bỏ khoản 8 Điều 266 |
|  |  | ***NHNN:*** Đề nghị điều chỉnh:  + Quyết định phong tỏa tài khoản phải được gửi trong vòng 01 ngày làm việc đến công ty chứng khoán, VSD và Sở GDCK.  + Trong vòng 24h nhận được quyết định, công ty chứng khoán, VSD, Sở GDCK phải thực hiện phong tỏa tài khoản."  ***UBGSTCQG:*** Đề nghị điều chỉnh theo hướng:  + Quyết định phong tỏa tài khoản phải được gửi trong vòng 01 ngày làm việc đến công ty chứng khoán, VSD và Sở GDCK.  + Trong vòng 24h nhận được quyết định, công ty chứng khoán, VSD, Sở GDCK phải thực hiện phong tỏa tài khoản.  ***Bộ LĐTBXH:*** Điều chỉnh điểm b khoản 1: trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, quyết định phong tỏa tài khoản chứng khoán phải được gửi đến các đối tượng bị áp dụng;   * ***Bộ LĐTBXH:***- Điều chỉnh điểm c khoản 2: Điều chỉnh "02 ngày làm việc"" thành ""02 ngày"   ***- NHNN:*** Đề nghị làm rõ "tài khoản tiền" để đảm bảo rõ ý. | **- Tiếp thu**, chỉnh sửa Điều 272 như sau:  **Điều 272.1.b**  b) Trong vòng ~~02~~ 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản chứng khoán phải được gửi cho đối tượng bị áp dụng, công ty chứng khoán nơi có tài khoản bị phong tỏa, tổ chức, cá nhân liên quan, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký bù trừ chứng khoán Việt Nam;  - **Giải trình:** nếu để 02 ngày thì có thể rơi vào ngày nghỉ, nên để 02 ngày làm việc phù hợp hơn.  - **Tiếp thu,** sửa đổi bổ sung tại Khoản 2 Điều 272 như sau:  2. Biện pháp yêu cầu người có thẩm quyền phong tỏa tài khoản tiền được thực hiện như sau:  a) Khi có căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 264 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng nơi đối tượng bị đề nghị áp dụng có tài khoản tiến hành phong tỏa tài khoản , nêu rõ các thông tin: căn cứ áp dụng; tên và địa chỉ đối tượng bị đề nghị áp dụng; thông tin về các tài khoản bị đề nghị phong tỏa; thời hạn áp dụng và thời điểm bắt đầu áp dụng biện pháp phong tỏa; các tổ chức, cá nhân có liên quan.  b) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản phải gửi cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền liên quan;  c) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng phải quyết định về việc phong tỏa tài khoản đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đối tượng có tài khoản bị phong tỏa biết. Trường hợp từ chối thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần yêu cầu phong tỏa tài khoản, tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;  d) Việc phong tỏa, giải tỏa tài khoản của tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan. |
| 38 | ***Điều khoản chuyển tiếp (Điều 268)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định nội dung quy định về điều khoản chuyển tiếp để xử lý đối với trường hợp biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung đã được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản theo quy định của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng sau đó các bên lại thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi, xóa hoặc yêu cầu cung cấp thông tin khi Nghị định này có hiệu lực  Để đảm bảo sự ổn định của việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán nêu trên. | **Tiếp thu, khoản 13 Điều 274 đã bổ sung quy định:**  “13. Các chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng làm tài sản bảo đảm trong các giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm- Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 không phải đăng ký lại tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Nghị định này. Việc thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các chứng khoán nêu trên được thực hiện tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm- Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm”. |
| 39 | ***Tổ chức thực hiện (Điều 269)*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 269 dự thảo Nghị định theo hướng giao Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung của Nghị định liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm.  Theo quy định của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, Bộ Tư pháp thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm, trong đó có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm. Thực hiện nhiệm vụ này, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng và ban hành nhiều Thông tư hướng dẫn việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng các loại tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tàu bay, tàu biển, tài sản là động sản khác. | **Tiếp thu,** đã bổ sung 01 Điều về tổ chức thực hiện tại Nghị định, cụ thể:  *Điều 275. Tổ chức thực hiện*  *1. Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết Chương V Nghị định này.* |
| 40 | ***Ý kiến khác*** | **Bộ Tư pháp**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhắc về việc giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội tại dự thảo Nghị định (khoản 40 Điều 3, khoản 5 Điều 136, khoản 5 Điều 137, Điều 154, khoản 6 Điều 179, khoản 3 Điều 191, khoản 2 Điều 192, khoản 2 Điều 193, khoản 9 Điều 203, khoản 1 Điều 224, khoản 1 Điều 239, khoản 1 Điều 248…) vì Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung trên, việc ủy quyền cho Bộ Tài chính hướng dẫn cần có sự giải trình. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, lưu ý việc giao Bộ Tài Chính hướng dẫn không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới tại Thông tư của Bộ trưởng để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và văn bản hướng dẫn liên quan. Ví dụ, khoản 9 Điều 203 dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp chứng chỉ chuyên môn chứng khoán.  Mặt khác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý khoản 1 Điều 269 dự thảo Nghị định theo hướng quy định rõ hơn các nội dung, điều, khoản của dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành. Việc quy định chung chung như dự thảo dễ dẫn đến sự lúng túng, khó xác định phạm vi, quy mô, mức độ thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Bộ Tài chính sau này. | **Giải trình**  Nội dung giao Bộ Tài chính phần đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán: Do Luật Chứng khoán không giao quy định tại Nghị định hay Thông tư nên cần có nguyên tắc giao tại Nghị định để có cơ sở hướng dẫn tại Thông tư, theo đúng thẩm quyền của Bộ Tài chính (hướng dẫn về quy chuẩn, kỹ thuật theo phạm vi quản lý nhà nước được phân công), không phát sinh TTHC. |
| 41 | ***Về thủ tục hành chính*** | **Bộ Tư pháp**   * Cân nhắc không quy định nhắc lại các quy định tại LCK Điều kiện, hồ sơ của thủ tục (Điều 8, Điều 9, Điều 16, Điều 17 dự thảo) * Để đảm bảo cách hiểu thống nhất và tính khả thi sau khi ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, không nên quy định những thành phần hồ sơ chung chung (khoản 4 Điều 19, khoản 3, khoản 4 Điều 22….) * Về điều kiện của thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ căn cứ pháp lý và sự cần thiết của quy định “có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc phát hành chứng khoán của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (khoản 4 Điều 27, khoản 4 Điều 29, điểm d, khoản 1 Điều 31 dự thảo). Quy định điều kiện này làm phát sinh thêm thủ tục chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Mặt khác, chưa có quy định cụ thể về ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định và cơ quan quản lý nhà nước nào có thẩm quyền chấp thuận, dẫn đến trên thực tiễn không có cách hiểu rõ ràng và thống nhất khi áp dụng. | * **Giải trình:**   Bộ Tài chính có ý kiến cần thiết phải có hướng dẫn chi tiết đối với một số thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán, bởi các lý do sau:  + Luật Chứng khoán có quy định về thành phần hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, *một* số tài liệu trong hồ sơ chưa chi tiết, do đó có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng cũng như trong quản lý của cơ quan nhà nước;  + Quy định hiện tại, thành phần hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng được hướng dẫn tại Thông tư số 162/2015/TT-BTC và có hướng dẫn chi tiết từng thành phần hồ sơ;  Tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn cụ thể hồ sơ các hoạt động, tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không quy định thêm về thủ tục cũng như thành phần hồ sơ so với quy định tại Luật Chứng khoán. Đối với một số tài liệu cụ thể cần có hướng dẫn để áp dụng thống nhất, tại dự thảo Nghị định có hướng dẫn chi tiết và bổ sung các mẫu biểu cần thiết (tương tự như Thông tư 162/2015/TT-BTC); đồng thời các quy định không cần thiết phải hướng dẫn chi tiết, tại dự thảo Nghị định dẫn chiếu quy định của Luật Chứng khoán.   * **Tiếp thu:** đã chỉnh sửa lại dự thảo Nghị định theo hướng cố gắng giảm tối đa các tài liệu mang tính chinh chung để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khi thực hiện. * **Tiếp thu:** đã chỉnh sửa lại dự thảo Nghị định theo hướng: NHNN chấp thuận đối với tổ chức tín dụng, Bộ tài chính chấp thuận đối với doanh nghiệp bảo hiểm. |

1. Ví dụ: mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Viêt Nam và công ty con được quy định rõ trong Luật Chứng khoán Việt Nam (Điều 43, khoản 4 Điều 46 Luật Chứng khoán 2019) [↑](#footnote-ref-1)
2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm: (1) Cầm cố tài sản. (2) Thế chấp tài sản. (3) Đặt cọc. (4) . Ký cược. (5). Ký quỹ. (6). Bảo lưu quyền sở hữu. (7). Bảo lãnh. (8). Tín chấp. (9). Cầm giữ tài sản. [↑](#footnote-ref-2)
3. (1).Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. (2). Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tài sản hiện có là tài sản đã hình thành và chủ thể đã xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản trước hoặc tại thời điểm xác lập giao dịch.( 2). Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm:a) Tài sản chưa hình thành; b) Tài sản đã hình thành nhưng chủ thể xác lập quyền sở hữu tài sản sau thời điểm xác lập giao dịch. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tài sản bảo đảm: (1) Tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, trừ trường hợp cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu. (2) Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được. (3) Tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai. (4). Giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. [↑](#footnote-ref-5)